

Số: /QĐ-BNNMT Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án Công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải Cửa Hội - Bến Thủy
(đoạn Cửa Hội) (công trình thực hiện năm 2024 - 2025)**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tại Văn bản số 4885/CHHĐTVN-KHCNMT ngày 25 tháng 9 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải Cửa Hội - Bến Thủy (đoạn Cửa Hội) (công trình thực hiện năm 2024 - 2025) (sau đây gọi là Dự án) của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Nghi Hải, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An (địa danh trước ngày 01 tháng 7 năm 2025, nay là phường Cửa Lò, tỉnh Nghệ An) và xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh (địa danh trước ngày 01 tháng 7 năm 2025, nay là xã Đan Hải, tỉnh Hà Tĩnh) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND các tỉnh: Nghệ An, Hà Tĩnh;
- Sở NN&MT các tỉnh: Nghệ An, Hà Tĩnh;
- Cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
- Lưu: VT, BPMC, MT, PTT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN CÔNG TRÌNH NẠO VÉT DUY TU LUỒNG HÀNG HẢI
CỬA HỘI - BẾN THỦY (ĐOẠN CỬA HỘI)
(CÔNG TRÌNH THỰC HIỆN NĂM 2024 - 2025)**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải Cửa Hội - Bến Thủy (đoạn Cửa Hội) (công trình thực hiện năm 2024 - 2025).

- Địa điểm thực hiện Dự án: phường Nghi Hải, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An (địa danh trước ngày 01 tháng 7 năm 2025, nay là phường Cửa Lò, tỉnh Nghệ An) và xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh (địa danh trước ngày 01 tháng 7 năm 2025, nay là xã Đan Hải, tỉnh Hà Tĩnh).

- Chủ dự án: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

- Địa chỉ liên hệ: số 08 Phạm Hùng, phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

- Dự án nạo vét duy tu tuyến luồng Cửa Hội - Bến Thủy (đoạn Cửa Hội), thuộc Kế hoạch bảo trì công trình hàng hải năm 2025 do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) phê duyệt tại Quyết định số 1614/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2024.

1.2. Quy mô, công suất

- Dự án nạo vét một đoạn của tuyến luồng hàng hải Cửa Hội - Bến Thủy (đoạn Cửa Hội) có chiều dài khoảng 4,0 km, từ phao số P0 đến phao P8 với các thông tin như sau:

- + Chiều dài đoạn luồng : $L = 4,0$ km.
- + Chiều rộng đáy luồng : $B = 60$ m.
- + Cao độ đáy luồng : $H = -3,0$ m (hệ Hải đồ).
- + Mái dốc : $m = 10$.
- + Diện tích nạo vét : $S = 14$ ha.
- + Tổng thời gian thi công : khoảng 48 ngày.
- Tổng khối lượng nạo vét: khoảng 85.000 m³.

- Tọa độ các điểm giới hạn phạm vi nạo vét như sau:

TT	Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000; kinh tuyến trực 104°45', múi chiếu 3 ⁰	
		X(m)	Y(m)
1	CH1	2078716,421	607302,014
2	CH2	2078332,418	607094,585
3	CH3	2077267,41	607195,36
4	CH4	2077287,591	607455,792
5	CH5	2078329,823	607357,713
6	CH6	2078526,072	607469,876

- Toàn bộ vật, chất nạo vét được nhận chìm ở biển.

Khu vực nhận chìm có diện tích khoảng 100,0 ha, nằm trong khu vực biển phía Đông Nam đảo Hòn Ngư thuộc tỉnh Nghệ An và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An thống nhất tại Văn bản số 9250/UBND-CN ngày 05 tháng 9 năm 2025.

Tọa độ các điểm giới hạn phạm vi nhận chìm như sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000; kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3 ⁰		Hệ tọa độ WGS-84*	
	X (m)	Y (m)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
A	2078441,751	621417,390	18°47'15,0''	105°54'13,0''
B	2078448,236	622413,129	18°47'15,0''	105°54'47,0''
C	2079422,978	622406,754	18°47'46,7''	105°54'47,0''
D	2079416,491	621411,067	18°47'46,7''	105°54'13,0''

*Tọa độ theo Văn bản số 9250/UBND-CN ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

1.3. Công nghệ thi công

- Thực hiện nạo vét bằng máy đào gầu dây và tàu hút tự hành tại các vị trí cần nạo vét, đảm bảo chuẩn tắc trên tuyến luồng; vận chuyển vật, chất nạo vét đến vị trí nhận chìm bằng sà lan và nhận chìm bằng hình thức xả đáy (sử dụng tàu hút bụng và sà lan xả đáy).

- Phương tiện chính sử dụng bao gồm:

- + 02 tàu kéo công suất ≤ 1.200 CV.
- + 04 máy đào gầu dây công suất ≤ 2.400 CV.
- + 08 sà lan vận chuyển công suất ≤ 2.400 CV.
- + 02 tàu hút tự hành công suất ≤ 6.000 CV.

- Bố trí phương tiện, thiết bị dự phòng nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện Dự án, luôn sẵn sàng bổ sung, thay thế khi cần thiết.

1.4. Phạm vi

1.4.1. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư

- Hoạt động tập kết thiết bị phục vụ thi công.
- Hoạt động nạo vét trên tuyến luồng.
- Hoạt động vận chuyển vật, chất nạo vét từ các vị trí nạo vét đến khu vực nhận chìm và nhận chìm chất nạo vét.

1.4.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường

Dự án không có hạng mục công trình phụ trợ; không thiết lập âu chứa tạm chất nạo vét; không bố trí bãi chứa tạm thời vật, chất nạo vét và không bố trí lán trại, công trường thi công.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

(Khu bảo tồn biển Hòn Ngư - Đảo Mất là khu bảo tồn loài - sinh cảnh cấp tỉnh thuộc tỉnh Nghệ An, đã được Thủ tướng Chính phủ xác định dự kiến thành lập mới theo Quyết định số 389/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2024 về việc phê duyệt quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Ranh giới dự kiến của Khu bảo tồn này có khoảng 1,0 ha chồng lấn với Dự án. Tuy nhiên, Khu bảo tồn biển Hòn Ngư - Đảo Mất hiện chưa có quyết định thành lập chính thức, chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết, chưa xác định cụ thể ranh giới và phân khu chức năng, chưa thành lập Ban quản lý nên chưa có căn cứ để xác định là yếu tố nhạy cảm về môi trường đối với Dự án).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động nạo vét và nhận chìm vật, chất nạo vét ở biển làm gia tăng TSS khu vực nạo vét, khu vực vận chuyển vật, chất nạo vét và khu vực nhận chìm.
- Hoạt động tập kết máy móc, thiết bị thi công; hoạt động của các phương tiện thi công nạo vét, nhận chìm và vận chuyển phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải tác động tới chất lượng môi trường không khí.
- Hoạt động của công nhân trên các phương tiện thi công phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn chuẩn bị: hoạt động tập kết máy móc, thiết bị thi công không phát sinh nước thải.

- Giai đoạn thi công:

+ Nước thải sinh hoạt từ hoạt động người lao động phát sinh khoảng 8,8 m³/ngày (tối đa 110 người), phát sinh phân tán trên từng phương tiện thi công. Thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD₅, TSS; dầu, mỡ động thực vật; Amoni; PO₄³⁻; NO₃⁻.

+ Nước chảy tràn, rò rỉ từ quá trình vận chuyển vật, chất nạo vét. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn chuẩn bị:

Hoạt động tập kết các phương tiện thi công phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn. Thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, SO₂, NO_x, CO.

- Giai đoạn thi công:

Hoạt động của các phương tiện nạo vét, vận chuyển vật, chất nạo vét đi nhận chìm phát sinh bụi, khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, SO₂, NO_x, CO.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn

- Giai đoạn chuẩn bị: không phát sinh chất thải rắn.

- Giai đoạn thi công:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của các công nhân tham gia thi công với khối lượng khoảng 110 kg/ngày, phát sinh phân tán trên từng phương tiện thi công.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn chuẩn bị: không phát sinh chất thải nguy hại.

- Giai đoạn thi công:

Tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 880 kg, bao gồm:

+ Giẻ lau dính dầu: khoảng 35,2 kg;

+ Dầu thải các loại: khoảng 844,8 kg (tương đương khoảng 960 l).

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn chuẩn bị:

Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động tập kết, vận hành thử phương tiện, thiết bị thi công.

- Giai đoạn thi công:

Tiếng ồn từ quá trình nạo vét, vận chuyển, nhận chìm của các phương tiện, thiết bị tham gia thi công.

3.4. Các tác động khác

- Tác động đến xói lở đường bờ, tác động đến hệ sinh thái và khu vực nuôi trồng thủy sản.

- Sự cố môi trường do cháy, nổ, tràn dầu.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt: sử dụng các phương tiện thi công có trang bị nhà vệ sinh, kết chứa để chứa nước thải sinh hoạt (dung tích theo thiết kế của nhà sản xuất, tùy thuộc vào công suất của phương tiện); định kỳ cập bờ, thuê đơn vị có chức năng thu gom toàn bộ nước thải từ các thiết bị và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra các đường ống hút bùn, cát, tránh rò rỉ, rơi vãi bùn cát; các tàu hút, tàu xả đáy vận hành đúng tải trọng; ngăn chứa vật, chất nạo vét được làm kín bảo đảm hạn chế vật, chất nạo vét rơi xuống tuyến vận chuyển.

4.1.2. Đối với thu gom và xử lý bụi, khí thải

- Sử dụng đúng chủng loại, công suất, số lượng phương tiện và thiết bị trong thi công sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các thiết bị được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

- Trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho người lao động theo quy định.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Trang bị 01 thùng chứa chuyên dụng loại 03 ngăn, có nắp đậy để thu gom, phân loại tại nguồn chất thải rắn sinh hoạt trên mỗi phương tiện tham gia thi công.

- Lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt trên phương tiện trong thời gian thi

công; định kỳ cập bờ, thuê đơn vị có chức năng thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại

- Trang bị 02 thùng chứa chuyên dụng, có nắp đậy, bảo đảm lưu giữ an toàn, không tràn đổ, có dán nhãn theo quy định trên từng phương tiện thủy tham gia thi công.

- Lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại trên phương tiện thi công thời gian thi công; định kỳ cập bờ, thuê đơn vị có chức năng thu gom toàn bộ chất thải nguy hại và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

4.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các thiết bị được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, bảo đảm an toàn kỹ thuật và các tiêu chuẩn về môi trường theo quy định.

- Tuân thủ biện pháp tổ chức thi công theo thiết kế bản vẽ thi công đã được duyệt.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong các giai đoạn của Dự án đảm bảo đạt QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Giảm thiểu lan truyền vật, chất nạo vét; giảm thiểu tác động tiêu cực tới chất lượng nước sông, nước biển

- Sử dụng tàu đào gầu dây có đáy gầu kín để tránh thất thoát bùn cát làm tăng độ đục; không thi công nạo vét trong điều kiện thời tiết xấu.

- Các phương tiện vận chuyển vật, chất nạo vét phải bảo đảm có ngăn chứa kín, chuyên chở đúng tải trọng cho phép để hạn chế tình trạng rơi vãi vật, chất nạo vét; tuyệt đối không đổ thải trên tuyến đường di chuyển; bố trí thời gian vận chuyển và nhận chìm vật, chất nạo vét hợp lý để tránh các va chạm gây tai nạn trên đường hàng hải; không xả nước la canh, không thải rác thải sinh hoạt trên tuyến vận chuyển.

- Triển khai thi công đúng tiến độ; bố trí, sử dụng máy móc thiết bị bảo đảm các yêu cầu về an toàn kỹ thuật.

- Thực hiện việc giám sát vị trí, hành trình, khối lượng đối với các phương tiện thi công nạo vét, nhận chìm; lắp đặt thiết bị tự động nhận dạng (AIS), thiết bị ghi hình trên các phương tiện vận chuyển vật, chất nạo vét để giám sát trực tiếp

hành trình vận chuyển và định vị chính xác vị trí nhận chìm, bảo đảm kiểm soát việc nhận chìm đúng vị trí; phối hợp với Cảng vụ Hàng hải Nghệ An giám sát hành trình phương tiện vận chuyển vật, chất nhận chìm thông qua thiết bị tự động nhận dạng.

- Tiến hành kiểm tra độ sâu đáy luồng, thu dọn công trường, di chuyển các thiết bị thi công nạo vét, các phao tín hiệu, biển báo tạm, các chương ngại vật (nếu có) phát sinh trong quá trình thi công.

- Chỉ thực hiện nhận chìm vào thời điểm có điều kiện thời tiết phù hợp, không tiến hành vận chuyển và nhận chìm vật, chất nạo vét vào những ngày biển động và có mưa bão lớn.

- Thực hiện quá trình nhận chìm ở biển theo đúng vị trí quy định. Tiến hành nhận chìm theo từng lớp và lần lượt theo 04 ô lưới tại khu vực nhận chìm (25,0 ha/ô lưới) để bảo đảm lớp vật, chất nạo vét được trải đều trên toàn bộ diện tích nhận chìm.

- Khi xả vật, chất nạo vét xuống khu vực nhận chìm phải xác định đúng vị trí, tốc độ mở cửa xả hợp lý để giảm phát tán chất lơ lửng.

- Sau khi hết thời gian nhận chìm chất nạo vét, Chủ dự án có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả thực hiện nhận chìm, quan trắc, giám sát môi trường của Dự án tới cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép nhận chìm ở biển và giao khu vực biển theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thực hiện nghiêm chỉnh việc nhận chìm ở biển theo đúng quy định của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và các quy định khác có liên quan; áp dụng biện pháp kỹ thuật và quản lý trong quá trình thi công, vận chuyển, nhận chìm, đáp ứng yêu cầu tại Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đánh giá chất nạo vét và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 23/2022/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.4.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy, nổ, tràn dầu, rò rỉ dầu vào môi trường nước sông, nước biển

- Thường xuyên kiểm tra các thùng đựng nhiên liệu, phát hiện kịp thời sự cố rò rỉ dầu để ngăn chặn và thu hồi.

- Các phương tiện nạo vét, vận chuyển được trang bị vật liệu thấm dầu để thu gom dầu rơi vãi. Không thải đổ trực tiếp dầu mỡ, giẻ lau dính dầu xuống sông, biển.

- Thực hiện các biện pháp che chắn mưa an toàn cho những vị trí hay rơi vãi dầu nhớt.

- Sử dụng phương tiện tham gia thi công có đủ năng lực ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định của pháp luật; bố trí gờ vây gom dầu cho kết chứa, máy, thiết bị và các khu vực có sử dụng hoặc phát sinh dầu.

- Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng ứng phó sự cố tràn dầu trước khi thực hiện Dự án để phối hợp phòng ngừa, ứng phó kịp thời khi xảy ra sự cố tràn dầu.

- Bố trí đầy đủ các trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy và ứng phó sự cố tràn dầu; định kỳ tập huấn cho công nhân về công tác phòng cháy, chữa cháy và ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu.

4.4.3. Phòng ngừa ứng phó sự cố sạt lở đường bờ

- Tổ chức thi công theo thiết kế được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định. Nạo vét đúng cao độ, độ dốc, chiều rộng đáy luồng theo thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Quản lý giám sát chặt chẽ phạm vi nạo vét, không chế độ sâu khai thác bằng máy đo độ sâu.

- Tuân thủ kế hoạch, thứ tự nạo vét và kiểm tra, giám sát đúng theo thiết kế công trình được duyệt; không vượt biên luồng, cao độ, mái dốc, khối lượng nạo vét.

- Thực hiện theo dõi, giám sát diễn biến đường bờ trong quá trình thi công để kịp thời phát hiện và có phương án xử lý kịp thời. Trường hợp phát hiện dấu hiệu có khả năng xảy ra xói, lở đường bờ tại khu vực thi công phải tạm dừng ngay hoạt động nạo vét tại khu vực có liên quan, đồng thời báo cáo chính quyền địa phương, cơ quan chức năng và các bên liên quan để kiểm tra, xác định nguyên nhân, mức độ tác động và phương án xử lý, khắc phục sự cố; trong trường hợp cần thiết, điều chỉnh phương án và các thông số nạo vét phù hợp để đảm bảo giảm thiểu tác động tới đường bờ, kè, cảnh quan và môi trường.

- Không nạo vét tại các khu vực có dấu hiệu bị sạt lở, có nguy cơ sạt lở theo hướng dẫn của địa phương; không nạo vét tập trung lâu ngày tại một vị trí với nhiều phương tiện tham gia.

4.4.4. Giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái và hoạt động nuôi trồng thủy sản

- Thực hiện thi công nạo vét, vận chuyển, nhận chìm vật, chất nạo vét đúng quy mô công suất, quy trình, phạm vi giới hạn theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt. Thi công nhanh chóng và gọn theo đúng tiến độ.

- Không để rò rỉ, rơi vãi dầu nhớt xuống mặt nước trong suốt quá trình nạo vét, vận chuyển và nhận chìm.

- Thông báo kế hoạch thi công đến các cơ quan, đơn vị tại địa phương và thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu sự gia tăng TSS, thi công đúng quy mô, quy

trình và phạm vi giới hạn như trong hồ sơ được duyệt; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để thống nhất thời gian lấy nước của người dân địa phương.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm xây dựng, thực hiện chương trình quản lý môi trường bảo đảm đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường nêu tại mục 4 của Quyết định này.

5.2. Giám sát môi trường

Không giám sát môi trường do Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát môi trường theo quy định tại Điều 97 và Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và tổng thời gian thi công ngắn (khoảng 48 ngày).

6. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

- Điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu tại Quyết định này.

- Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc tuyến luồng hàng hải Cửa Hội - Bến Thủy có chong lán với ranh giới dự kiến của Khu bảo tồn biển Hòn Ngư - Đảo Mất để xem xét, quyết định khi thành lập Khu bảo tồn này, bảo đảm hài hòa giữa mục tiêu bảo tồn và phát triển.

- Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An tại Văn bản số 9250/UBND-CN ngày 05 tháng 9 năm 2025 về vị trí đổ chất nạo vét duy tu luồng hàng hải Cửa Lò năm 2026 và các năm tiếp theo; Cửa Hội - Bến Thủy (đoạn Cửa Hội) (công trình thực hiện năm 2024 - 2025). Bố trí thi công vào thời điểm phù hợp, tránh mùa cao điểm du lịch và thời gian các loài thủy sản sinh sản và cá con phát triển (từ tháng 4 đến tháng 9).

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, đa dạng sinh học, nguồn lợi thủy sản, cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế, dân sinh khác khu vực Dự án trong quá trình thi công trên cơ sở các quy định có liên quan.

- Lập phương án bảo đảm an toàn hàng hải trong thời gian thi công và quản lý hoạt động nạo vét theo đúng quy định của pháp luật chuyên ngành.

- Chỉ được phép triển khai nạo vét, nhận chìm theo đúng địa điểm, diện tích, chuẩn tắc thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và tuân thủ nghiêm

các yêu cầu về an toàn trong thiết kế đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Quản lý chặt chẽ chất thải từ các phương tiện tham gia thi công, bảo đảm tuân thủ quy định về quản lý, thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển và Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm môi trường do tàu thuyền gây ra mà Việt Nam là thành viên (Công ước MARPOL).

- Thực hiện nghiêm túc các trách nhiệm về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong suốt quá trình triển khai Dự án; bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định nếu gây ra thiệt hại cho tổ chức, cá nhân.

- Trong quá trình nạo vét và nhận chìm vật, chất nạo vét, nếu phát hiện thấy những dấu hiệu bất lợi đến môi trường thì phải dừng ngay hoạt động, chủ động đề xuất và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, báo cáo kịp thời về các cơ quan chức năng để được phối hợp giải quyết.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính trung thực và tính chính xác của số liệu đo đạc, phân tích thành phần môi trường, thông tin về những người tham gia đánh giá tác động môi trường và các thông tin, số liệu khác nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.